

SỞ NN VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC KIỂM LÂM

Số: /CCKL-TCHC

V/v báo cáo đánh giá tình hình thực hiện
Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày
25/4/2023 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định

Thực hiện Công văn số 3323/SNN-KHTH ngày 01/10/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định về việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

Căn cứ hướng dẫn báo cáo theo Đề cương chi tiết của Bộ Tài chính tại Công văn số 10100/BTC-QLCS ngày 23/9/2024.

Chi cục Kiểm lâm báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (có báo cáo theo đề cương kèm theo).

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT biết, chỉ đạo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CCT và các PCCT;
- Lưu: VT, TCHC.

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

(Kèm theo Công văn số: /CCKL-TCHC ngày /10/2024 của Chi cục Kiểm lâm)

I. Về công tác quản lý nhà nước

1. Về công tác tổ chức phổ biến, tập huấn, tuyên truyền triển khai thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC:

- Đã tổ chức

Hình thức: Triển khai văn bản trên hệ thống văn phòng điện tử, đối tượng lãnh đạo và kế toán cơ quan, đơn vị.

- Chưa tổ chức

Trường hợp đã tổ chức thì đánh dấu “X” vào ô “Đã tổ chức” và nêu rõ hình thức, đối tượng, phạm vi phổ biến, tập huấn, tuyên truyền.

Trường hợp ngược lại thì đánh dấu “X” vào ô “Chưa tổ chức”.

2. Về ban hành các văn bản theo thẩm quyền được giao

2.1. Về việc ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để thống nhất quản lý (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4)

- Đã ban hành

Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

- Chưa ban hành

- Không ban hành

2.2. Về việc ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (quy định tại khoản 2 Điều 13)

- Đã ban hành

Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tỉnh

- Chưa ban hành

2.3. Về quy định cụ thể thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình đối với tài sản cố định hữu hình được sử dụng ở địa bàn có điều kiện thời tiết, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến mức hao mòn của tài sản cố

định (trường hợp cần thiết phải quy định thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định khác so với quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC) (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13)

- Đã ban hành
- Chưa ban hành
- Không ban hành

II. Về đánh giá nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Báo cáo đánh giá theo Mẫu số 01 kèm theo.

III. Những khó khăn, vướng mắc

Không

IV. Đề xuất, kiến nghị

Không

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG QUY ĐỊNH
TẠI THÔNG TƯ SỐ 23/2023/TT-BTC NGÀY 25/4/2024 CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

STT	Nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC)	Phù hợp (giữ như quy định hiện hành)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Ghi chú
			Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do	
1	2	3	4	5	6
1	Đối tượng áp dụng (quy định tại Điều 2)	Giữ như quy định hiện hành			
2	Tiêu chuẩn tài sản cố định (quy định tại Điều 3)				
a)	Xác định là một tài sản (quy định tại khoản 1 Điều 3)	Giữ như quy định hiện hành			
b)	Tiêu chuẩn xác định là tài sản cố định (quy định tại khoản 2 Điều 3)	Giữ như quy định hiện hành			
c)	Tiêu chuẩn xác định là tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập (quy định tại khoản 3 Điều 3)	Giữ như quy định hiện hành			
3	Phân loại tài sản cố định (quy định tại Điều 4)				
a)	Phân loại tài sản cố định theo tính chất, đặc điểm tài sản (quy định tại khoản 1 Điều 4)	Giữ như quy định hiện hành			
b)	Phân loại theo nguồn gốc hình thành tài sản (quy định tại khoản 2 Điều 4)	Giữ như quy định hiện hành			
4	Nguyên tắc quản lý tài sản cố định (quy định tại Điều 5)	Giữ như quy định hiện hành			
5	Xác định nguyên giá, thay đổi nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định				
a)	Xác định nguyên giá tài sản cố định				
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình (quy định tại Điều 6)	Giữ như quy định hiện hành			

STT	Nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC)	Phù hợp (giữ như quy định hiện hành)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Ghi chú
			Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do	
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định vô hình (quy định tại Điều 7)	Giữ như quy định hiện hành			
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định đặc thù (quy định tại Điều 8)	Giữ như quy định hiện hành			
b)	Thay đổi nguyên giá tài sản cố định, xác định nguyên giá tài sản cố định trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản cố định (quy định tại Điều 9, Điều 10)	Giữ như quy định hiện hành			
c)	Xác định giá trị còn lại của tài sản cố định (quy định tại Điều 16)	Giữ như quy định hiện hành			
6	Phạm vi tài sản cố định tính hao mòn, khấu hao và nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định				
a)	Phạm vi tài sản cố định tính hao mòn, khấu hao (quy định tại Điều 11)	Giữ như quy định hiện hành			
b)	Nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định (quy định tại Điều 12)	Giữ như quy định hiện hành			
7	Thời gian tính, tỷ lệ và phương pháp tính hao mòn tài sản cố định				
a)	Thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định (quy định tại Điều 13)	Giữ như quy định hiện hành			
b)	Phương pháp tính hao mòn tài sản cố định (quy định tại Điều 14)	Giữ như quy định hiện hành			
8	Quy định về trích khấu hao tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập (quy định tại Điều 15)	Giữ như quy định hiện hành			
9	Quy định về xử lý chuyển tiếp trường hợp có nội dung thay đổi nêu trên (về nguyên giá, giá trị, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn...)	Giữ như quy định hiện hành			

